

Bài 20. KHÍ HẬU VÀ CẢNH QUAN TRÊN TRÁI ĐẤT

I. MỤC TIÊU CỦA BÀI HỌC

Sau bài học, HS có khả năng :

– Nhận xét, phân tích ảnh, lược đồ (bản đồ) và nhận biết, mô tả lại các cảnh quan chính trên Trái Đất, các sông và vị trí của chúng trên Trái Đất, các thành phần của vỏ Trái Đất.

– Phân tích mối quan hệ mang tính quy luật giữa các thành tố để giải thích một số hiện tượng địa lí tự nhiên.

II. NHỮNG VẤN ĐỀ CẦN CHÚ Ý CỦA BÀI HỌC

1. Trọng tâm bài

– Các đới khí hậu và một số kiểu khí hậu.

– Phân tích biểu đồ khí hậu và mối quan hệ của các yếu tố khí hậu với vị trí địa lý và địa hình.

2. Nội dung chi tiết

– Về cách tổ chức : cho HS làm việc tương tự như đối với bài 19.

– Biểu đồ nhiệt độ, lượng mưa của một địa điểm trong một năm được xây dựng như sau : Cột trái thể hiện nhiệt độ, cột phải là lượng mưa chỉ số 0 của nhiệt độ và lượng mưa đều xuất phát từ trục hoành và dùng chung các đường ngang song song với trục hoành, số liệu về lượng mưa lớn gấp đôi số liệu về nhiệt độ, ví dụ ở điểm cột nhiệt độ ghi 10°C thì cột lượng mưa ghi 20 mm. Nếu nhiệt độ là âm ($\text{dưới } 0^{\circ}\text{C}$) thì kéo trục tung xuống phía dưới trục hoành để biểu diễn tiếp. Theo biểu đồ này, khu vực phía dưới đường nhiệt độ không có mưa hoặc lượng mưa ít biểu diễn thời kì khô hạn ; khu vực trên đường nhiệt độ có mưa biểu diễn thời kì mưa, không khô hạn hoặc mưa nhiều, ẩm.

– Khi cho HS phân tích các biểu đồ khí hậu GV nên hướng dẫn cụ thể trình tự các bước, từ nhận xét đường chỉ nhiệt độ, chỉ lượng mưa, tìm giá trị cao nhất, xác định trong thời gian nào, nhận xét sự phân bố trong năm, sự chênh lệch giữa các giá trị cực đại, cực tiểu.

III. CÁC THIẾT BỊ DẠY HỌC CẨN THIẾT

- Hình 20.3. Các vành đai gió trên Trái Đất trong SGK được phóng to.
- Bản đồ khí hậu thế giới.
- Bản đồ tự nhiên thế giới.

IV. GỢI Ý TIẾN TRÌNH THỰC HIỆN BÀI HỌC

Mục 1. Khí hậu trên Trái Đất

Trước khi cho HS làm việc theo nhóm với các bài tập, câu hỏi của SGK, GV đề nghị các em nhắc lại kiến thức về đới (đai) khí hậu, có thể ôn lại cả các kiến thức về nguyên nhân xuất hiện các đới khí hậu khác nhau trên bề mặt Trái Đất. (Do Trái Đất hình cầu, quay quanh Mặt Trời theo một trục nghiêng không đổi nên các địa điểm trên Trái Đất không nhận một lượng nhiệt như nhau tại một thời điểm nhất định. Từ đó xuất hiện các đới nhiệt khác nhau).

Sau đó GV yêu cầu HS nêu đặc điểm từng đới khí hậu (về nhiệt độ, lượng mưa trung bình và các giá trị cực tiểu, cực đại, thời điểm của từng giá trị).

Tiếp theo HS sẽ làm việc với hình 20.1 để nhận biết các đới khí hậu ở từng châu lục. GV có thể hướng dẫn HS lập bảng và điền vào như sau :

Tên châu lục	Các đới khí hậu
Châu Phi	Nhiệt đới , cận nhiệt (Địa Trung Hải),.....
.....	

Thủ đô Oen-lin-ton của Niu Di-lân đón năm mới vào những ngày nóng ấm vì vào tháng 12 tia sáng mặt trời tạo thành góc chiếu lớn với chí tuyến Nam, địa điểm này nhận được nhiều nhiệt nên nóng ấm.

Để giải quyết câu 3, GV chia HS thành nhóm 3 – 5 em, mỗi nhóm phân tích 1 biểu đồ, sau đó cho HS thông báo kết quả làm việc của nhóm (hoặc cho HS trao đổi kết quả làm việc giữa các nhóm và tự nhận xét lẫn nhau). Kết quả cần đạt được là :

- Biểu đồ a) :

- + Nhiệt độ cao quanh năm, chênh lệch nhiệt độ không nhiều giữa các tháng nhiệt độ cao nhất là tháng 4, tháng 11 (khoảng 30°C) và thấp nhất là các tháng 12, tháng 1 (khoảng 27°C).
- + Mưa không đều, có những tháng không mưa (tháng 12, 1) và tháng mưa rất nhiều, tháng 8 mưa tới 200mm, mùa mưa kéo dài từ tháng 5 đến tháng 9.
- + Đây là biểu đồ khí hậu nhiệt đới gió mùa với mùa mưa, mùa khô phân biệt rõ ràng.

- Biểu đồ b) :

- + Nhiệt độ trong năm ít thay đổi, khá nóng, gần 30°C .
- + Mưa quanh năm, mưa nhiều vào tháng 4, tháng 10.
- + Đây là biểu đồ khí hậu xích đạo.

- Biểu đồ c) :

- + Nhiệt độ chênh lệch khá lớn, tới gần 30°C , mùa đông nhiệt độ xuống dưới -10°C vào tháng 12, 1 ; mùa hạ nhiệt độ chỉ lên tới 16°C vào tháng 7.
- + Lượng mưa trải đều quanh năm, mưa nhiều từ tháng 6 đến tháng 9.
- + Đây là biểu đồ của khí hậu ôn đới lục địa.

- Biểu đồ d) :

- + Nhiệt độ thấp là 5°C vào tháng 1, 2 ; nhiệt độ cao khoảng 25°C vào các tháng 6, 7, 8 ; chênh giữa hai mùa khoảng 15°C .
- + Lượng mưa phân bố không đều trong năm, mưa nhiều vào những tháng mùa đông (tháng 10, 11, 12) ; mưa ít vào những tháng mùa hè (6, 7, 8).
- + Đây là biểu đồ của kiểu khí hậu cận nhiệt đới trung hải.

Bài tập 4 :

Có thể tiếp tục cho HS làm việc theo nhóm. GV nhắc lại cho cả lớp biết hình trong SGK để cập đến các loại gió có quy mô toàn cầu.

Giải thích : Do lượng nhiệt các nơi trên Trái Đất nhận được không như nhau nên khí áp của các nơi có sự chênh lệch, nơi khí áp cao, nơi khí áp thấp. Sự chênh lệch khí áp gây ra hiện tượng di chuyển của các khối khí từ nơi có khí áp cao đến nơi có khí áp thấp. Cụ thể là các vùng ở Xích đạo nhận được nhiều nhiệt do ánh sáng của Mặt Trời luôn có góc chiếu lớn, nhiệt độ luôn cao làm cho vùng này có khí áp thấp. Không khí nóng nở ra, bốc lên và tỏa ra hai bên Xích đạo, sau đó lạnh dần, giáng xuống khoảng các vĩ độ $30 - 35^{\circ}$ của cả hai bán cầu tạo thành các khu khí áp cao, từ đó gió thổi về bổ sung không khí cho vùng Xích đạo. Các luồng gió này thổi đều đặn quanh năm nên có tên là Tín phong do được người đi biển xưa tin cậy và tận dụng. Đồng thời không khí của khu vực có khí áp cao này cũng chuyển động về các vĩ tuyến 60° của hai bán cầu, nơi có khí áp thấp tạo nên gió Tây ôn đới. Cũng tương tự như vậy với gió ở vùng gần cực. Do Trái Đất quay quanh trục từ tây sang đông nên các khối khí khi di chuyển về Xích đạo bị lệch sang phía tây (chịu tác động của lực Cô-ri-ô-lit).

Bài tập 5 : Đây là bài tập tương đối khó, GV nên gợi ý cho HS về độ lớn, hình dạng của châu lục, về dòng biển lạnh Ca-na-ri và cho HS nhận xét gió tín phong thổi theo hướng ĐB – TN đem theo sự khô, nóng nên tại vùng Bắc châu Phi xuất hiện hoang mạc Xa-ha-ra.

Mục 2. Các cảnh quan trên Trái Đất

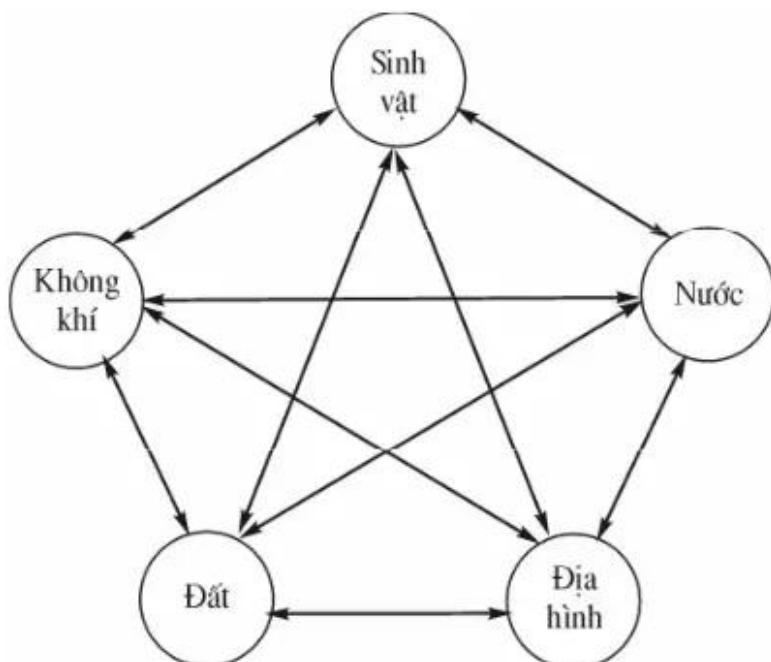
Dành 10 phút cho HS quan sát các ảnh cảnh quan hình 20. 4. để nhận biết chúng thuộc đới khí hậu nào. HS cần phải giải thích vì sao có nhận xét đó. Sau đó có thể tổ chức cho HS thi giữa các nhóm trong lớp xem nhóm nào đạt

kết quả nhanh và đúng hơn. GV cũng có thể cho HS trao đổi kết quả làm việc của nhóm mình với một nhóm khác để HS tự nhận xét và góp ý cho nhau. Kết quả cần đạt là :

Vẽ ảnh (theo số thứ tự) :

- Đàn chó đang kéo xe trượt tuyết : cảnh ở hàn đới.
- Rừng lá kim : cảnh ở đới ôn hoà.
- Cây Bao báp ở vùng rừng thưa, xa van : cảnh ở nhiệt đới.
- Rừng rậm nhiều tầng cây : cảnh ở nhiệt đới.
- Đàn ngựa vằn trên đồng cỏ : cảnh ở nhiệt đới.

Câu 2. Các thành phần tạo nên vỏ Trái Đất và mối quan hệ giữa chúng.



Câu 3 : HS cần nêu được mối quan hệ tác động qua lại của từng thành phần với các thành phần còn lại. Khi một thành phần thay đổi kéo theo sự thay đổi của các thành phần còn lại.

Câu hỏi và bài tập

Câu hỏi 1, ý a/

Tên các châu lục, đại dương trên lược đồ được dùng các kí hiệu như sau :

- I : Lục địa Bắc Mĩ
- II : Lục địa Nam Mĩ
- III : Châu Âu
- IV : Châu Phi
- V : Châu Á
- VI : Châu Đại dương

- VII : Bắc Băng Dương
- VIII : Đại Tây Dương
- IX : Ấn Độ Dương
- X : Thái Bình Dương

Câu 1, ý b/ Tên các đảo lớn :

- | | |
|-----------------|------------------|
| 1. Grøn-len | 7. Hòn-su |
| 2. Ai-xơ-len | 8. Ca-li-man-tan |
| 3. Anh, Ai-len | 9. Xu-ma-tơ-ra |
| 4. Cu-ba | 10. Niu Ghi-nê |
| 5. Xi-xin | 11. Niu Di-lân |
| 6. Ma-đa-ga-xca | |

Câu 1, ý c/ Vẽ vị trí các sông, hồ theo các kí hiệu sau :

A-ma-dôn :	f	Lê-na :	r
Ấn :	v	Mi-xi-xi-pi :	c
Nô lệ Lớn :	b	Ngũ Hồ :	d
Hằng :	u	Ni-giê :	m
Công-gô :	n	Nin :	l
Cô-lô-ra-đô :	a	Ô-bi :	p
Dăm-be-di :	o	Ô-ri-nô-cô :	e
Đa-nuyp :	i	Pa-ra-na :	g
En-bơ :	h	Trường Giang :	t
Ê-nit-xây :	q	Vôn-ga :	k
Hoàng Hà :	s	Bai-can	x